

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 75-QĐ/TU ngày 29/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình công tác toàn khoá của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Văn bản số 1202-CV/TU ngày 25/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Đề án thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 1750/SNV-CCHC&VTLT ngày 16/9/2022 và Văn bản số 2020/SNV-CCHC&VTLT ngày 21/10/2022 (sau khi có ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” (có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực, có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo giải quyết những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền; tham mưu UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao trong Đề án tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả, tiết kiệm; báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo định kỳ với báo cáo cải cách hành chính hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng, UBKT, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể CT-XH cấp tỉnh;
- Huyện, Thành, Thị ủy;
- HĐND các huyện, thành phố, thị xã;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT của tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Cải cách hành chính (CCHC) là một trong những yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy hành chính nhà nước; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm tuân thủ thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân. Vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định: “*Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp*” là một trong ba đột phá chiến lược, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của CCHC, thời gian qua, công tác CCHC đã được tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt được kết quả bước đầu có tác động tích cực đến sự phát triển chung của tỉnh. Tuy vậy, CCHC mang tính toàn diện, tổng thể, bao trùm trên nhiều lĩnh vực nên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện còn có những tồn tại, hạn chế nhất định: CCHC một số mặt, lĩnh vực chưa đạt yêu cầu, nhất là giải quyết các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp và người dân; việc đối thoại, tiếp công dân ở một số địa phương thực hiện chưa thường xuyên, hiệu quả không cao; xây dựng Chính quyền điện tử và chuyển đổi số còn chậm; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần (mức độ 3, 4) vẫn còn thấp so với yêu cầu; tỷ lệ các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên còn thấp; chỉ số CCHC của tỉnh duy trì không ổn định...

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết 12-NQ/TU), khắc phục những hạn chế, yếu kém hiện nay, đẩy mạnh công tác CCHC của tỉnh một cách đồng

bộ, quyết liệt góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh ban hành Đề án “*Đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030*” (sau đây gọi tắt là Đề án).

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản chủ trương của Đảng (*Phụ lục 01 kèm theo*)

2. Văn bản pháp luật của Nhà nước (*Phụ lục 02 kèm theo*)

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐỀ ÁN

1. Đối tượng

- UBND các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã);
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Phạm vi

- Thời gian: đánh giá giai đoạn 2016-2021; đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Không gian: tỉnh Hà Tĩnh.

Phần thứ nhất
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CCHC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

A. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CCHC GIAI ĐOẠN 2016-2021

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

1.1. Việc ban hành văn bản và chỉ đạo triển khai thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh đã ban hành chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2012-2020; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 29/7/2016 về CCHC giai đoạn 2016-2020. Trong giai đoạn 2016-2021, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành gần 300 văn bản để chỉ đạo và triển khai 06 nội dung, lĩnh vực công tác CCHC trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, kịp thời.

UBND tỉnh đã cụ thể hóa kế hoạch CCHC và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ trên các lĩnh vực, góp phần đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch CCHC của ngành, cơ quan, đơn vị phù hợp với định hướng của tỉnh và thực tiễn của đơn vị, địa phương mình. UBND tỉnh tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề, các cuộc giao ban định kỳ, đột xuất để kịp thời chỉ đạo công tác CCHC lựa chọn các nội dung trọng tâm, đột phá để triển khai thực hiện. Nhờ đó từ năm 2016 đến nay các chỉ số CCHC của tỉnh tiếp tục có nhiều cải thiện đáng kể về thứ hạng và chất lượng các chỉ số¹.

1.2. Công tác kiểm tra, giám sát về CCHC, thanh tra công vụ

Công tác kiểm tra, giám sát CCHC, thanh tra công vụ được chú trọng, giai đoạn 2016-2021 tổ chức hơn 340 lượt thanh tra, kiểm tra, tại 295 cơ quan, đơn vị; qua đó, góp phần nâng cao trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu trong thực hiện công tác CCHC, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ từng bước được nâng lên. Chất lượng công tác CCHC ngày càng đi vào chiều sâu và có sự lan tỏa mạnh mẽ. Các tồn tại, hạn chế trong CCHC được phát hiện và kịp thời khắc phục thông qua các văn bản

¹ **Chỉ số CCHC (PAR Index):** Năm 2016: xếp hạng 17/63; năm 2017: xếp hạng 17/63; năm 2018: xếp hạng 13/63; năm 2019: xếp hạng 12/63; năm 2020: xếp hạng 16/63 (tăng 01 bậc so với năm 2016 và giảm 04 bậc so với năm 2019); năm 2021: xếp hạng 08/63 (tăng 08 bậc so với năm 2020). **Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI):** Năm 2016: xếp hạng 02/63; năm 2017: xếp hạng 12/63; năm 2018: xếp hạng 07/63; năm 2019: xếp hạng 16/63; năm 2020: xếp hạng 05/63 (giảm 03 bậc so với năm 2016, tăng 11 bậc so với năm 2019); năm 2021: xếp hạng 07/60 (giảm 02 bậc so với năm 2020). **Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS):** Năm 2016: chưa triển khai; năm 2017: không xếp hạng, đạt tỷ lệ chỉ số hài lòng là: 84,68%; năm 2018: xếp hạng 04/63; năm 2019: xếp hạng 24/63; năm 2020: xếp hạng 11/63 (tăng 13 bậc so với năm 2019); năm 2021: xếp hạng 05/63 (tăng 06 bậc so với năm 2020). **Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI):** Năm 2016: xếp hạng 39/63; năm 2017: xếp hạng 33/63; năm 2018: xếp hạng 23/63; năm 2019: xếp hạng 27/63; năm 2020: xếp hạng 21/63 (tăng 18 bậc so với năm 2016, tăng 06 bậc so với năm 2019); năm 2021: xếp hạng 27/63 (giảm 06 bậc so với năm 2020).

chỉ đạo, kế hoạch về nâng cao các chỉ số PAR Index, PCI, PAPI, SIPAS hàng năm. Công tác kiểm tra, thẩm định, đánh giá xếp loại chỉ số CCHC của các cơ quan, địa phương, đơn vị được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo và thực hiện theo Quy chế và Bộ tiêu chí chấm điểm có tính định lượng cao.

1.3. Công tác tuyên truyền về CCHC

Công tác tuyên truyền CCHC được triển khai hiệu quả bằng nhiều hình thức phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương đã phối hợp phản ánh toàn diện các lĩnh vực CCHC và các chuyên đề có tính đột phá theo từng thời kỳ, từng nhiệm vụ CCHC của tỉnh, đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, các vấn đề trong công tác CCHC được đi sâu phân tích, tìm hiểu góp phần nâng cao chất lượng tuyên truyền².

2. Kết quả thực hiện trên các nội dung, lĩnh vực

2.1. Cải cách thể chế:

Công tác xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật ở tỉnh có những chuyển biến tích cực, ngày càng đáp ứng tốt hơn các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Hệ thống thể chế đã được định hình rõ nét trên các lĩnh vực, dần đáp ứng các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của tỉnh.

Hoạt động xây dựng, hoàn thiện thể chế không chỉ chú trọng đến việc ban hành các văn bản phục vụ phát triển kinh tế mà tập trung nhiều hơn cho các lĩnh vực khác như: y tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, tài nguyên - môi trường... Nhiều chủ trương lớn của tỉnh đã được triển khai trên thực tế có tác động tích cực, hạn chế được tình trạng tùy tiện trong xây dựng thể chế. Theo đó, cơ quan tư pháp các cấp đã tiến hành thẩm định chặt chẽ, đúng quy định các dự thảo văn bản QPPL, các báo cáo thẩm định đã chỉ ra sự phù hợp về thẩm quyền, căn cứ ban hành văn bản, sự phù hợp và tính khả thi của chính sách đối với tình hình địa phương... Trong giai đoạn 2016-2021, các cấp đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật³; công tác kiểm tra, tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được triển khai nghiêm túc⁴. Việc xử lý văn bản sau tự kiểm tra, kiểm tra

² Mỗi năm, Đặc san Thông tin - Tư tưởng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh dành 4 bài tuyên truyền về nội dung cải cách hành chính. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng chuyên mục "Cải cách hành chính" phát sóng 2500 bản tin, 1700 phóng sự ngắn, Báo Hà Tĩnh đã có hơn 5300 tin, bài, các cơ quan báo chí Trung ương và tỉnh bạn hoạt động trên địa bàn có trên 5600 tin tuyên truyền về công tác CCHC.

³ Cấp tỉnh đã ban hành 321 văn bản QPPL, trong đó có 115 Nghị quyết và 206 Quyết định của HĐND tỉnh; cấp huyện, cấp xã đã ban hành 606 văn bản, trong đó có 466 Nghị quyết và 140 Quyết định.

⁴ Trong giai đoạn 2016-2020, ở cấp tỉnh tổ chức tự kiểm tra 321 văn bản QPPL, qua đó phát hiện 19 văn bản QPPL không phù hợp với quy định (gồm 06 văn bản có nội dung không phù hợp với văn bản cấp trên, 13 văn bản sai sót về thể thức). Cấp huyện đã thực hiện tự kiểm tra 48 văn bản quy phạm pháp luật, qua đó phát hiện 02 văn bản quy phạm có sai sót về thể thức. Cấp tỉnh đã thực hiện kiểm tra 493 văn bản QPPL do cấp huyện ban hành, qua đó, phát hiện 11 văn bản chưa phù hợp với quy định của pháp luật (gồm 02 văn bản có sai sót về nội dung, 09 văn bản có sai sót khác). Cấp huyện đã thực hiện kiểm tra 1154 văn bản, trong đó phát hiện 04 văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về nội dung và 69 văn bản quy phạm pháp luật có sai sót về thể thức và kỹ thuật trình bày. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát 3.171 lượt văn bản, trong đó có 254 văn bản được đề nghị xử lý do mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với văn bản cấp trên, 254/254 văn bản đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát. Cấp huyện, cấp xã đã tổ chức thực hiện rà soát 1052 văn bản quy phạm pháp luật. UBND tỉnh đã chỉ đạo

đã được thực hiện kịp thời, nghiêm túc, các văn bản QPPL có sai sót về nội dung đều được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

2.2. Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

2.2.1. Cải cách thủ tục hành chính

Cải cách TTHC luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá trong CCHC. UBND tỉnh tập trung chỉ đạo quyết liệt việc cắt giảm tối thiểu 1/3 thành phần hồ sơ, 50% thời gian giải quyết TTHC ở tất cả các lĩnh vực, tạo sự chuyển biến rõ nét, cơ bản đáp ứng yêu cầu CCHC, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong giao dịch. Giai đoạn 2016-2021, UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa đối với 191 TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định; chất lượng giải quyết TTHC có chuyển biến tích cực thông qua công tác kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa TTHC; mở rộng hình thức, phạm vi công khai, minh bạch hóa TTHC và các thông tin quản lý nhà nước, tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2.2.2. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

UBND tỉnh thành lập Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và 13 Trung tâm Hành chính công cấp huyện. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 20/6/2016 về ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; ban hành Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về Quy định tạm thời chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa 03 cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/6/2021 triển khai Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2.2.3. Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần (mức độ 3, 4)

- Dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3): 289 (trong đó cấp tỉnh 276 DVC, mỗi đơn vị cấp huyện 10 DVC, mỗi đơn vị cấp xã 3 DVC). Có 50 dịch vụ công trực tuyến một phần (mức độ 3) có phát sinh hồ sơ (cấp tỉnh: 47, cấp huyện: 02, cấp xã: 01). Tỷ lệ phát sinh hồ sơ DVC một phần (mức độ 3) là 48,67% (1597/3.281).

- Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4): 830 (trong đó cấp tỉnh 606 DVC, mỗi đơn vị cấp huyện 172 DVC, mỗi đơn vị cấp xã 52 DVC). Có 176 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (mức độ 4) có phát sinh hồ sơ (cấp tỉnh: 110, cấp huyện: 29, cấp xã: 37). Tỷ lệ phát sinh hồ sơ DVC toàn trình (mức độ 4) là 26,78% (14.862/55.489).

- UBND tỉnh đã ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện ký kết hợp tác triển khai. Năm 2020 đã hoàn thành thí điểm giai đoạn 01, năm 2021 tiếp tục thực hiện thí điểm giai đoạn 02 chuyển giao cho nhân viên bưu điện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại quầy tiếp nhận của 09 Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 08 địa phương.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính được xác định là trọng tâm, đột phá trong kế hoạch CCHC tỉnh giai đoạn 2016-2021. Việc quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị, địa phương được thực hiện kịp thời, đúng quy định, phù hợp với thực tiễn hoạt động; sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị được chú trọng thực hiện theo nguyên tắc không thành lập các tổ chức trung gian trực thuộc như chi cục, phòng chuyên môn chưa cần thiết. Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập thôn, tổ dân phố đạt được kết quả toàn diện, tạo được sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, giảm được số lượng cán bộ, công chức, giảm chi ngân sách.

2.3.1. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ.

- Trên địa bàn tỉnh có 22 sở, ban, ngành; số lượng văn phòng, thanh tra, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ cấu tổ chức của Sở có 137 tổ chức, trong đó có 124 phòng chuyên môn, 10 chi cục, 02 ban và 01 tổ chức hành chính đặc thù; so với thời điểm 30/6/2015, giảm 34 tổ chức, trong đó có 27 phòng chuyên môn và 07 chi cục. Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có 152 phòng; so với thời điểm 30/6/2015, giảm 03 phòng do thực hiện thí điểm hợp nhất các Ban Đảng và các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện tại huyện Đức Thọ.

- Có 786 đơn vị đơn vị sự nghiệp, trong đó có 10 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, 102 đơn vị trực thuộc Sở và 674 đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện. Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp có 39 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (tự chủ 100% chi thường xuyên).

- Thực hiện bố trí đảm bảo quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị⁵. UBND các cấp đã thực hiện bố trí, sắp xếp số lượng thành viên

⁵ Số lượng cấp phó sở, ban, ngành: 54 người; giảm 09 người so với thời điểm trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Nghị quyết số 18, 19). Số lượng cấp phó các phòng chuyên môn, ban, chi cục và tương đương thuộc các sở, ban, ngành: 170 người (trong đó cấp phó các phòng chuyên môn là 152 người; cấp phó các ban, chi cục và tương đương là 18 người); giảm 27 người so với thời điểm trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 18, 19. Số lượng cấp phó các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện: 195 người; giảm 25 người so với thời điểm trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 18, 19. Số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh: 21 người; Số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở, ban, ngành: 164 người; giảm 95 người so với thời điểm trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết 18, 19. Số lượng cấp phó các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện: 1.033 người; giảm 239 người so với thời điểm trước khi triển khai thực hiện Nghị quyết 18, 19

UBND các cấp đảm bảo theo quy định. Các thành viên UBND các cấp có năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng yêu cầu vị trí công tác⁶.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, địa phương rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn; thực hiện sắp xếp 80 đơn vị hành chính cấp xã hình thành 34 đơn vị hành chính cấp xã⁷. Toàn tỉnh có 1.965 thôn, tổ dân phố; so với thời điểm năm 2015 giảm được 181 thôn, tổ dân phố.

2.3.2. Quản lý biên chế và tinh giản biên chế.

- Thực hiện chính sách tinh giản biên chế gắn với thực hiện Nghị quyết số 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương việc quản lý biên chế từng bước được đổi mới, sử dụng hiệu quả, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách. Kết quả thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021: đã giảm được 257 biên chế hành chính⁸ đạt tỷ lệ 10,39% và 3.198 số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp⁹, đạt tỷ lệ 10,89%.

- Số cán bộ xã có 2.239 người, giảm 429 người (16,08%); số công chức xã có 1.993 người, giảm 710 người (26,27%); số người hoạt động không chuyên trách cấp xã có 1.722 người, giảm 1.821 người (51,40%); số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 5.303 người, giảm 3.931 người (42,57%).

2.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

2.4.1. Bố trí công chức, viên chức

Tập trung chỉ đạo xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức ở các cơ quan hành chính, chức danh nghề nghiệp ở đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh. Có 22/22 sở, ban, ngành được phê duyệt vị trí việc làm; phê duyệt 93 vị trí việc làm và khung năng lực tương ứng trong các cơ quan UBND cấp huyện. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: 10/10 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh đã được phê duyệt vị trí việc làm; 696 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện đã được phê duyệt vị trí việc làm. Công tác bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được UBND tỉnh triển khai thực hiện đúng quy định. Về cơ bản, đội ngũ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm và được sắp xếp, bố trí theo vị trí việc làm. UBND tỉnh ban hành quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa

⁶ Nhiệm kỳ 2016-2021: tổng số thành viên UBND tỉnh gồm Chủ tịch, 03 Phó Chủ tịch và 17 Ủy viên UBND tỉnh; tổng số thành viên UBND của 13 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 13 Chủ tịch, 30 Phó Chủ tịch và 160 Ủy viên UBND cấp huyện. Tổng số thành viên UBND của 216 đơn vị hành chính cấp xã có 216 Chủ tịch, 277 Phó Chủ tịch và 400 Ủy viên UBND cấp xã.

⁷ Giảm 46 đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021; từ 262 đơn vị hành chính cấp xã xuống còn 216 đơn vị hành chính cấp xã

⁸ Năm 2015 giao 2.586 biên chế hành chính (trừ 68 biên chế Chi cục Quản lý thị trường chuyển Bộ Công Thương còn 2.518 biên chế); năm 2021 giao 2.261 biên chế hành chính

⁹ Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Năm 2015 giao 29.114 người (Bộ Nội vụ bổ sung 614 biên chế giáo viên, nâng số người làm việc được giao là 29.728 người); năm 2021 giao 26.530 người. Đến năm 2021, toàn tỉnh có 41 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và 38 đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên.

bàn tỉnh, trong đó, số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí cụ thể theo từng chức danh theo phân loại xã.

2.4.2. Tuyển dụng công chức, viên chức.

Công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh ngày càng chặt chẽ, đi vào nề nếp. Các văn bản quy định về phân cấp thẩm quyền đã được ban hành nhằm tăng tính chủ động và phát huy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và người đứng đầu trong tuyển dụng, quản lý và thực hiện chế độ chính sách đối với CBCCVC. Năm 2016, tỉnh đã tổ chức thi tuyển và tuyển dụng 38 công chức; từ năm 2017 đến nay, đã thực hiện tuyển dụng vào công chức không qua thi tuyển, tiếp nhận 220 người có kinh nghiệm để bổ sung đội ngũ công chức cho toàn tỉnh theo các quy định của Trung ương¹⁰; các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện đã tổ chức tuyển dụng được 4.499 viên chức; tuyển dụng 341 công chức cấp xã theo quy định.

2.4.3. Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

Công tác thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được thực hiện theo đúng quy định. Năm 2019, tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính từ chuyên viên lên chuyên viên chính (kết quả có 125 công chức và 12 viên chức trúng tuyển). Năm 2020, tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức hành chính từ cán sự lên chuyên viên, từ chuyên viên lên chuyên viên chính (kết quả có 30 công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên, có 70 công chức trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch lên chuyên viên chính). tổ chức kỳ thi thăng hạng giáo viên trung học phổ thông từ hạng III lên hạng II, giáo viên THCS từ hạng II lên hạng I¹¹.

2.4.4. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.

Công tác quy hoạch cán bộ được cấp ủy, tập thể lãnh đạo các cơ quan, đơn vị quan tâm triển khai nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo chất lượng. Số lượng cán bộ được quy hoạch vào mỗi chức danh đảm bảo quy định. Cơ bản quy hoạch đảm bảo về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, về 03 độ tuổi, tính “động” và “mở” trong quy hoạch; đảm bảo nguyên tắc, quy trình, định kỳ hàng năm tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, trong đó quan tâm việc quy hoạch cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Cán bộ đưa vào quy hoạch các chức danh cơ bản đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền được thực hiện theo quy định, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục, thẩm quyền và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

2.4.5. Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm, ban hành văn bản hướng dẫn, phân cấp thẩm quyền đánh

¹⁰ Năm 2020, 2021 đã tuyển dụng được 141 công chức (trong đó thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP được 21 công chức là sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ) vào làm việc tại các sở, ngành, địa phương.

¹¹ Kết quả có 321 giáo viên trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng lên giáo viên THPT hạng II và 86 giáo viên trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng lên giáo viên THCS hạng I); tổ chức kỳ xét thăng hạng viên chức y tế từ hạng III lên hạng II (kết quả có 03 viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng)

giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức cho các cơ quan, đơn vị và địa phương, xem đây là tiêu chí quan trọng để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương tiến hành bố trí, sắp xếp lại cho phù hợp với vị trí việc làm, sở trường công tác; trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không đảm bảo điều kiện sẽ thực hiện tinh giản biên chế theo quy định. UBND tỉnh ban hành các văn bản để tăng cường xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức¹², từ đó tạo được những chuyển biến về ý thức, trách nhiệm, cơ bản, cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm túc kỷ cương, kỷ luật hành chính.

2.4.6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần nâng cao mặt bằng chung về năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, từng bước khắc phục các thiếu hụt kiến thức về quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đồng bộ về lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ, đẩy mạnh đào tạo và duy trì nguồn nhân lực cho hội nhập kinh tế quốc tế. UBND tỉnh đã cử cán bộ, công chức, viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện đi đào tạo, bồi dưỡng, tham quan, khảo sát, nghiên cứu thực tế, học tập ngắn ngày ở nước ngoài theo các đoàn do Bộ, ngành, cơ quan Trung ương tổ chức nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

2.5. Cải cách tài chính công

2.5.1. Về thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương.

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi các cấp ngân sách, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2021 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Giai đoạn 2016-2021, thực hiện sắp xếp, sáp nhập các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19 toàn tỉnh đã sắp xếp, sáp nhập 137 cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó, cơ quan hành chính nhà nước: 51 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập: 86 đơn vị); tiết kiệm chi thường xuyên 9.736 triệu đồng.

2.5.2. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

Tích cực theo dõi sát diễn biến thu ngân sách hàng tháng, quý, năm; đề xuất các biện pháp cụ thể, phù hợp để UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo công tác thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2016-2021 thu NSNN trên địa bàn tỉnh đạt 134.306 tỷ đồng, tăng 127,3% so với cùng kỳ giai đoạn 2011-2015; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế, hải quan, hướng tới hải quan số

¹² Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

trên cơ sở ứng dụng những thành tựu mới về công nghệ 4.0; đẩy mạnh tự động hóa quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính thuế, góp phần giảm thiểu chi phí cho người nộp thuế. Giai đoạn 2016-2021, UBND tỉnh đã trình ban hành 16 chính sách an sinh xã hội của tỉnh với tổng kinh phí 764.984 triệu đồng.

2.5.3. Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của tỉnh.

- Hoàn thành cổ phần hóa theo đúng lộ trình và chuyển đổi Công ty TNHH một thành viên đang kiểm phương tiện GTVT Hà Tĩnh thành Công ty cổ phần. Công tác thoái vốn giai đoạn 2016-2021 đã thực hiện thoái vốn tại 03 đơn vị trong đó Công ty CP Môi trường đô thị Hồng Lĩnh và Công ty CP quản lý và Xây dựng công trình giao thông Hà Tĩnh đã thực hiện theo đúng lộ trình còn Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Hà Tĩnh mới chỉ thực hiện được một phần (đã bán được 115.500 cổ phiếu/4.858.600 cổ phiếu chào bán).

- Giám sát tài chính 10 doanh nghiệp nhà nước do tỉnh làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh, gồm: 05 Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; 03 Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 02 Công ty Cổ phần do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

2.5.4. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập đạt nhiều kết quả tích cực; so sánh tăng giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ của các đơn vị, địa phương năm 2021 so với năm 2015 cho thấy, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên tăng 34 đơn vị; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên tăng 40 đơn vị; số lượng đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên giảm 75 đơn vị.

- Về thực hiện tự chủ tại các cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, đến năm 2021 toàn tỉnh đã giao tự chủ cho 276/276 cơ quan, đạt 100% theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ¹³.

2.5.5. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

- Công tác quản lý nhà nước về tài sản công đã được thực hiện có hệ thống cả về số lượng và giá trị. Thường xuyên rà soát, nắm bắt tình hình biến động tài sản của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp; chỉ đạo xử lý đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn có điều

¹³ Cấp tỉnh 47 đơn vị; cấp huyện 13 đơn vị; cấp xã 216 đơn vị; đã giao tự chủ cho 813/813 đơn vị sự nghiệp công lập, đạt 100% theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 14/2/2015, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ, trong đó: cấp tỉnh 123 đơn vị; cấp huyện 690 đơn vị.

kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Công tác quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật; cơ bản các đơn vị được giao quản lý tài sản công đều sử dụng đúng mục đích, đúng công năng; thẩm quyền xử lý được thực hiện đúng theo phân cấp; công tác cập nhật, báo cáo được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

2.6. Hiện đại hóa nền hành chính

2.6.1. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT).

- Hạ tầng CNTT đã có những bước phát triển, việc đầu tư, xây dựng hệ thống mạng, Internet, đường truyền chuyên dụng đã thực sự đẩy nhanh quá trình ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Cơ sở hạ tầng thông tin trên địa bàn tỉnh đã từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH, nhu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp và Nhân dân¹⁴. Tỉnh tiếp tục nâng cấp Trung tâm dữ liệu theo công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu xây dựng, vận hành chính quyền điện tử các cấp.

- Việc điều hành, tác nghiệp được nâng lên một bước về tính đồng bộ và hiệu quả ứng dụng. Các hệ thống thông tin hỗ trợ điều hành tác nghiệp, ý kiến chỉ đạo, gửi nhận văn bản, tác nghiệp nội bộ, thư điện tử phát huy hiệu quả. Hệ thống gửi nhận văn bản điện tử, chữ ký số được ứng dụng đồng bộ và hiệu quả từ cấp tỉnh đến cấp xã¹⁵. Việc ứng dụng CNTT trong các CQNN cấp huyện đã có chuyển biến mạnh mẽ so với năm 2015; 100% cấp huyện đã có Trung tâm Hành chính công và ứng dụng phần mềm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ công hiệu quả, góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Hệ thống Hội nghị trực tuyến đã được triển khai tại Văn phòng UBND tỉnh và 13 đơn vị cấp huyện; một số địa phương triển khai thí điểm hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã (huyện Nghi Xuân, thị xã Kỳ Anh).

- Kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin tại các đơn vị được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch kiểm tra ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị hàng năm. Đơn vị thường trực ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh tham gia đầy đủ, phối hợp tốt trong các chương trình huấn luyện, diễn tập quốc gia, tham gia đầy đủ các cuộc diễn tập, huấn luyện quy mô quốc gia do các đơn vị chuyên trách về ATTT quốc gia tổ chức. Công tác cảnh báo, phòng chống tấn công

¹⁴ Tất cả các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được trang bị máy tính, kết nối Internet. 100% CBCC cấp tỉnh, cấp huyện, 95% CBCC cấp xã được trang bị máy tính (tăng 25% so với năm 2016¹⁴). 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, 92% cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện có máy chủ. Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có hạ tầng an toàn thông tin, đáp ứng được yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin trong tình hình mới đạt 75%. Mạng lưới truyền dẫn, mạng chuyên dùng, internet băng thông rộng đã đáp ứng đủ 100% đơn vị hành chính trong toàn tỉnh, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu kết nối của cơ quan, doanh nghiệp và người dân.

¹⁵ Đạt tỷ lệ 100% đối với các nội dung: ứng dụng chữ ký số trong giao dịch điện tử, văn bản điện tử của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; văn bản, tài liệu chính thức giữa cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử (tăng 10% so với năm 2016). Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử của UBND cấp xã với các cơ quan cấp tỉnh và huyện đạt 95% (tăng 60% so với năm 2016).

mạng vào các hệ thống thông tin do cơ quan quản lý trong những năm qua đã được đơn vị đầu mối, thường trực thực hiện tốt.

- Phát triển nguồn nhân lực cơ bản được thường xuyên triển khai bằng nhiều kênh khác nhau, trong đó tập trung chính từ 03 kênh cơ bản: từ các chương trình, dự án theo kế hoạch hằng năm; đào tạo theo các ngành dọc từ Trung ương đến địa phương và nguồn đào tạo từ các trường và trong xã hội¹⁶.

- Triển khai các giải pháp nhằm đáp ứng rộng rãi CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp được quan tâm, có những bước tăng trưởng vượt bậc, từng bước đáp ứng yêu cầu CCHC, phục vụ quá trình xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh¹⁷.

2.6.2. Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001

Giai đoạn 2016-2021, lĩnh vực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 được đẩy mạnh mở rộng xây dựng và áp dụng nhiều hơn so với giai đoạn 2011-2015¹⁸; chất lượng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị được xây dựng cơ bản thống nhất, đồng bộ, chú trọng thực chất thay vì hình thức đối phó như trước đây¹⁹. Về phiên bản áp dụng hệ thống: giai đoạn 2018-2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện chuyển đổi từ phiên bản cũ TCVN ISO 9001:2008 sang phiên bản TCVN ISO 9001:2015²⁰.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC ở một số đơn vị, địa phương chưa thực sự quyết liệt, vai trò, trách nhiệm người đứng đầu còn thiếu quyết tâm và chủ động trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Kế hoạch CCHC hàng năm của một số đơn vị, địa phương chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

- Việc triển khai, thực hiện Đề án đổi mới phương thức hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo,

¹⁶Có 63 cán bộ chuyên trách tại cấp Sở, cấp huyện (tăng 10 cán bộ so với năm 2016), 216 cán bộ cấp xã (tăng 20 cán bộ so với năm 2016¹⁶) trong đó có 12 thạc sỹ CNTT và 52 Đại học CNTT trong đó có 17 cán bộ chuyên trách CNTT cấp tỉnh, 10 cán bộ chuyên trách CNTT cấp huyện và 170 cán bộ chuyên trách CNTT cấp xã đủ điều kiện được hưởng chế độ đặc thù.

¹⁷ 100% các sở ban ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có Công/ trang thông tin điện tử ; Sàn giao dịch TMĐT tỉnh đã được đầu tư nâng cấp lên phiên bản mới để đáp ứng nhu cầu giao dịch.

¹⁸ Năm 2015 toàn tỉnh mới có 70 cơ quan, đơn vị áp dụng thì đến nay số lượng là 300 (gấp 4 lần), đối tượng áp dụng hệ thống giai đoạn 2011-2015 là các cơ quan HCNN cấp tỉnh, cơ quan HCNN cấp II, cơ quan HCNN cấp huyện và một số ít UBND cấp xã (19 đơn vị ~ 9%), chưa triển khai xây dựng tại các đơn vị sự nghiệp công lập, chưa xây dựng tại các đơn vị trường học, bệnh viện thì giai đoạn 2016-2020 đã triển khai tại 201 xã (93%, tăng hơn 10 lần), 38 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, 11 bệnh viện công lập (đạt 85%) và 05 đơn vị trường học, 01 đơn vị sự nghiệp cấp huyện.

¹⁹ Giai đoạn 2011-2015, việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính còn hình thức và chưa đảm bảo 100% thủ tục hành chính theo quy định. Trong 3 năm 2019-2021, UBND tỉnh đã ban hành 130 Quyết định công bố danh mục và quy trình nội bộ cho hơn 1700 TTHC đáp ứng yêu cầu về kiểm soát, công bố, công khai thủ tục hành chính vừa đáp ứng yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015, 100% quy trình đã được điện tử hóa thực hiện trên phần mềm dịch vụ công của tỉnh, nâng cao mức độ chuẩn hóa các quy trình khi đưa vào áp dụng, tạo sự thống nhất đồng bộ hệ thống tại các cơ quan trên toàn tỉnh.

²⁰ Đã thực hiện chuyển đổi áp dụng tại 124 cơ quan, đơn vị và xây dựng mới hệ thống đối với 176 cơ quan, đơn vị (gần gấp 03 lần kết quả triển khai giai đoạn 2011-2015).

điều hành của UBND tỉnh ở một số đơn vị chưa sát thực tế, chuyển biến chậm; tình trạng hội họp còn nhiều, chất lượng một số cuộc họp chưa cao.

- Chất lượng của một số văn bản QPPL chưa cao, cá biệt có nội dung còn sai sót; việc rà soát, sửa đổi, hoàn thiện chưa kịp thời dẫn đến vướng mắc trong triển khai, thực hiện; việc theo dõi thi hành pháp luật một số nơi chưa thực sự hiệu quả.

- Việc giải quyết TTHC ở một số lĩnh vực, một số đơn vị chưa đúng quy định; tình trạng chậm trễ trong giải quyết hồ sơ TTHC vẫn xảy ra. Cơ sở vật chất tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Sự phối hợp trong thực hiện cơ chế một cửa liên thông giữa Bộ phận “Một cửa” các cấp với một số cơ quan ngành dọc còn gặp khó khăn. Một số TTHC liên thông thực hiện không đảm bảo chất lượng, gây phiền hà, kéo dài thời gian, quá hạn. Số lượng quy trình nội bộ để phối hợp giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước với nhau khá nhiều (không phải thủ tục hành chính), nhưng chưa được rà soát chuẩn hóa, công khai để thực hiện.

- Việc phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong một số cơ quan, tổ chức, một số lĩnh vực chưa hợp lý. Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy có một số nội dung triển khai nhưng chưa bảo đảm theo lộ trình đề ra. Một số đơn vị sau khi tổ chức lại chưa thực sự đổi mới cơ chế, chưa xây dựng được quy chế, quy định về chức năng, nhiệm vụ để hoạt động. Sắp xếp tổ chức bộ máy một số nơi chưa gắn với tinh giản biên chế, cá biệt còn sáp nhập theo tính cơ học.

- Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức (CBCCCVC) chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, kỹ năng, nghiệp vụ hành chính, trình độ ngoại ngữ, khả năng hội nhập, làm việc trong môi trường quốc tế còn hạn chế. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tuy được tăng cường về số lượng, nhưng chất lượng chưa tương xứng. Việc tuyển dụng viên chức ở một số địa phương thực hiện chưa tốt, còn để xảy ra sai phạm, tiêu cực trong quá trình tuyển dụng; tỷ lệ bố trí, giải quyết số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã ở một số địa phương còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Việc thực hiện tự chủ tài chính có nơi chưa thực sự hiệu quả; phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí và đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí còn mang tính bình quân, chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ, giao biên chế và giao kinh phí nên vẫn còn tình trạng trông chờ vào kinh phí của nhà nước. Đối với các đơn vị sự nghiệp, mức thu các loại phí, giá dịch vụ chưa tính đủ các yếu tố chi phí nên hạn chế các đơn vị đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ, chưa khuyến khích được xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Hiện đại hóa và xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh trong những năm vừa qua luôn biến động, thiếu ổn định và có xu hướng giảm so với các tỉnh

thành phố trong cả nước. Tiến độ triển khai chính quyền điện tử các cấp còn chậm, các phần mềm ứng dụng phần lớn triển khai độc lập. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu; cơ sở dữ liệu tập trung chưa hoàn thiện. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị hiện vẫn còn thiếu; dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần (mức độ 3, 4) đã được triển khai, công bố, công khai song số lượng hồ sơ nộp trực tuyến ở mức chưa cao.

- Chất lượng xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 tại một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, đối phó hiệu quả chưa cao. Quy trình điều hành hoạt động nội bộ, tại các cơ quan, đơn vị đã được xây dựng nhưng số lượng chưa nhiều, chất lượng quy trình còn hạn chế, chưa bám sát quy định và thực tế hoạt động dẫn đến hiệu quả chưa cao. Tỷ lệ các trường học, đơn vị sự nghiệp cấp huyện áp dụng còn rất khiêm tốn.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan:

- Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương chưa cụ thể và thống nhất, có nội dung còn bất cập, chồng chéo, gây khó khăn cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

- Một số văn bản QPPL quy định về TTHC thường xuyên thay đổi tạo áp lực lớn khiến các sở, ban, ngành phải liên tục rà soát, dự thảo Quyết định công bố TTHC mới, gây ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và tiến độ thực hiện TTHC.

- Điều kiện kinh tế, nguồn thu và khả năng ngân sách của một số địa phương còn khó khăn. Việc thực hiện, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần (mức độ 3, 4) số lượng hồ sơ tiếp nhận không nhiều; người dân chưa có trang thiết bị hoặc kỹ năng phù hợp để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần (mức độ 3, 4).

2.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, công chức tham mưu về CCHC ở không ít cơ quan, đơn vị, địa phương chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, chưa thấy được tác động tích cực của CCHC đối với thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn tại cơ quan, đơn vị.

- Công tác tuyên truyền CCHC ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao; hình thức chưa đa dạng, phong phú; đặc biệt trong việc tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế.

- Người đứng đầu của một số đơn vị, địa phương chưa thực hiện tốt trách nhiệm của mình theo quy định, thậm chí có nơi còn giao hoàn toàn trách nhiệm cho cấp phó hoặc công chức trực tiếp tham mưu.

- Công tác kiểm tra, giám sát ở một số đơn vị chưa được quan tâm, chú trọng; việc khắc phục những tồn tại, hạn chế được chỉ ra sau thanh tra công vụ, kiểm tra CCHC ở một số đơn vị chưa kịp thời, đầy đủ. Công tác sơ kết, tổng kết,

rút kinh nghiệm, khen thưởng trong CCHC chưa quan tâm đúng mức và kịp thời.

- Năng lực tham mưu về CCHC của một số cán bộ, công chức còn hạn chế, thiếu sáng tạo, chưa thực sự tâm huyết. Công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức vẫn là khâu yếu; việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định đối với công chức, viên chức có nơi thực hiện chưa tốt; vẫn còn tình trạng CBCCVC vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ phải xử lý kỷ luật theo quy định, thậm chí bị truy tố.

- Một số hệ thống thông tin và phần mềm dùng chung chưa đồng bộ, còn tình trạng nhiều phần mềm sử dụng cho một lĩnh vực công việc; khả năng tiếp cận và ứng dụng CNTT của một bộ phận CBCCVC còn hạn chế; Trung tâm tích hợp dữ liệu quy mô nhỏ, công nghệ cũ; chưa ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, tính bảo mật và năng lực đáp ứng của Trung tâm tích hợp dữ liệu còn hạn chế; chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh theo kiến trúc chính quyền điện tử và hướng tới đô thị thông minh.

- Một số sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện, xã chưa quyết liệt trong tổ chức thực hiện công tác cải cách tài chính công nên tỷ lệ các đơn vị tự chủ đạt thấp, hiệu quả tự chủ chưa cao.

- Ban Chỉ đạo ISO của một số cơ quan, đơn vị hoạt động chưa hiệu quả, chỉ đạo không thường xuyên, thiếu quyết liệt trong việc triển khai áp dụng ISO 9001 vào hoạt động điều hành. Kinh phí để triển khai xây dựng và áp dụng ISO còn hạn chế so với định mức quy định; cơ sở vật chất một số cơ quan, đơn vị còn thiếu; nguồn nhân lực chưa đáp ứng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả vận hành áp dụng hệ thống.

B. HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp.

Công tác chỉ đạo điều hành của UBND các cấp trong nhiệm kỳ qua bảo đảm đồng bộ, xuyên suốt, kịp thời trên các lĩnh vực, xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các vấn đề cấp bách cần giải quyết kịp thời để phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện các đề án, chính sách. Hoạt động của UBND, thành viên UBND các cấp bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế làm việc. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; kết hợp trách nhiệm tập thể UBND với việc đề cao trách nhiệm cá nhân Chủ tịch UBND, các Phó Chủ tịch UBND và Ủy viên UBND; phân công nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất cao trong chỉ đạo, điều hành. Phương thức chỉ đạo điều hành tiếp tục được đổi mới; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh dành nhiều thời gian kiểm tra, làm việc với cơ sở nhằm nắm bắt thực tiễn đưa chính sách vào cuộc sống, từ đó ban hành thông báo kết luận, văn bản chỉ đạo kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Xây dựng, ban hành kịp thời chương trình công tác tháng của UBND các cấp; bám sát định hướng chỉ đạo chung, các nhiệm vụ trọng tâm và chương trình

công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi để các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung tham mưu, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành; mở rộng và sử dụng hiệu quả các hình thức tổ chức họp trực tuyến; việc gửi nhận văn bản điện tử, chỉ đạo điều hành đi vào nề nếp, ổn định; thực hiện hiệu quả Quy chế theo dõi, đôn đốc kiểm tra thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp trên một số lĩnh vực chủ yếu (Phụ lục 03 kèm theo).

3. Phân cấp quản lý hành chính và thực hiện quy chế làm việc

3.1. Công tác phân cấp quản lý hành chính:

Việc phân cấp quản lý hành chính Nhà nước trên các lĩnh vực về cơ bản phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời phân định rõ trách nhiệm của các sở, ngành và địa phương trong triển khai nhiệm vụ được phân cấp, đề cao tinh thần trách nhiệm, sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan trong quản lý hành chính và thực hiện nhiệm vụ được phân cấp. Đảm bảo sự quản lý tập trung, thống nhất và thông suốt, đồng thời phát huy tính năng động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành, từ đó góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3.2. Thực hiện Quy chế làm việc UBND các cấp:

UBND tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh; ban hành các thông báo phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở đó UBND các cấp đã xây dựng quy chế làm việc của địa phương mình. Quy chế làm việc của UBND các cấp đã quy định rõ trách nhiệm, phạm vi, cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên UBND các cấp, mối quan hệ công tác giữa UBND với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc của UBND, thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND và đề cao trách nhiệm người đứng đầu UBND. Quy trình giải quyết công việc và ra quyết định, tổ chức triển khai thực hiện theo đúng thẩm quyền. Kết quả thực hiện quy chế làm việc của UBND các cấp thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật.

4. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới luôn được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện, hoạt động kiểm tra, giám sát có nhiều đổi mới; chất lượng, hiệu quả, hiệu lực kiểm tra, giám sát được nâng lên rõ rệt, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hằng năm, tỉnh chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể như: CCHC, giải quyết thủ tục hành chính, kiểm tra, thanh tra công vụ công chức,

xây dựng nông thôn mới... Việc kiểm tra, giám sát giúp UBND cấp dưới triển khai thực hiện có hiệu quả quy chế làm việc, quy chế văn hóa công vụ, tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao; quán triệt và thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

C. TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY HÀNH CHÍNH CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2016-2021

1. Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh

Trong giai đoạn 2016-2021, các cấp, ngành, địa phương đã nỗ lực tạo môi trường, hành lang thông thoáng trong thu hút đầu tư, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, góp phần đưa kinh tế - xã hội của tỉnh ngày càng phát triển, cụ thể: tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp; triển khai xây dựng và đưa vào vận hành phần mềm quản lý dự án đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân khác; nâng cao trách nhiệm, chất lượng trong phối hợp, thẩm định hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư giữa các sở, ban, ngành, địa phương liên quan đảm bảo đúng quy trình, rút ngắn thời gian trả kết quả cho nhà đầu tư; nâng cấp Cổng thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, thường xuyên cập nhật đáp ứng nhu cầu tìm hiểu thông tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Nhờ đẩy mạnh CCHC, đặc biệt là cải cách TTHC tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh hết sức thuận lợi, thông tin minh bạch, thủ tục đầu tư thông thoáng, đổi mới thực hiện tốt cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” đã tạo sức hút trong thu hút đầu tư²¹.

2. Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh

Trong giai đoạn 2016-2021, công tác CCHC trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các thủ tục thành lập mới, thay đổi đăng ký kinh doanh, cụ thể: rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đăng ký kinh doanh, giúp công tác đăng ký doanh nghiệp nhanh chóng, thuận lợi, giảm bớt số lần đi lại của doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp; thời gian thực hiện giải quyết hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã cắt giảm từ 03 ngày xuống còn 02 ngày làm việc; thực tế có nhiều thời điểm xử lý hồ sơ doanh nghiệp là dưới 1,5 ngày/hồ sơ; 100% hồ sơ trả kết quả đúng hạn (trong đó trước hạn trên 90%); thực hiện nghiêm túc các thủ tục đăng ký kinh doanh phải niêm yết công khai; tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trực tuyến; nâng cao chất lượng tư vấn, hướng dẫn thủ tục cho doanh nghiệp (trực tiếp, qua

²¹Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh có 1.449 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 445.376 tỷ đồng (tương đương 19,364 tỷ USD), trong đó có 1.373 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký trên 131.932 tỷ đồng (tương đương 5,736 tỷ USD) và 76 dự án FDI đang hoạt động với tổng vốn đăng ký hơn 313.444 tỷ đồng (tương đương hơn 13,628 tỷ USD); trong giai đoạn 2016-2021, toàn tỉnh đã thu hút được 495 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 51.338,7 tỷ đồng; giai đoạn 2011-2015 thu hút được 360 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 34.684,8 tỷ đồng.

điện thoại hoặc email...), rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp.

Cộng đồng doanh nghiệp phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình doanh nghiệp, quy mô, chất lượng hoạt động được nâng lên và ngày càng mở rộng về thị trường, lĩnh vực đầu tư, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thu ngân sách, là nhân tố tích cực góp phần phát triển toàn diện kinh tế - xã hội tỉnh nhà²².

3. Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh

Trong giai đoạn 2016-2021, bên cạnh những kết quả đạt được về kinh tế - xã hội, công tác thuế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức; mức tăng trưởng kinh tế đạt khá so với bình quân chung cả nước và các tỉnh lân cận; nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu tạo ra nguồn thu không đạt chỉ tiêu đề ra; doanh nghiệp có phát sinh thuế còn chiếm tỷ lệ rất thấp so với doanh nghiệp được cấp phép; số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động chiếm tỷ lệ cao gây khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách. Kết quả thu ngân sách nội địa trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn 2016-2021 đạt 33.363 tỷ đồng.

Nhìn chung, kết quả đạt được khá toàn diện, đồng bộ trên tất cả các nội dung, lĩnh vực CCHC giai đoạn 2016-2021. Nhờ đó, đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính các cấp, đặc biệt là công tác cải cách TTHC; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; hiện đại hóa nền hành chính đã có những chuyển biến tích cực, góp phần tác động rất lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

D. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là, quán triệt, nắm vững các quan điểm, chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương. Tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn, ách tắc để lựa chọn nội dung đột phá phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Hà Tĩnh theo từng năm, từng giai đoạn. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm chính trị của người đứng đầu các cấp, huy động sự tham gia của hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong Nhân dân để triển khai, thực hiện công tác CCHC, đặc biệt những nội dung mới, khó, phức tạp.

Hai là, việc thực hiện công tác CCHC phải quyết tâm chính trị cao, thực hiện kiên trì, thường xuyên, lâu dài, quyết liệt với lộ trình rõ ràng, giải pháp cụ thể, khả thi, mạnh dạn thực hiện thí điểm, lấy sự hài lòng của tổ chức và Nhân dân làm phương châm hành động.

Ba là, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CCHC trong hệ thống chính trị và ngoài xã hội, tạo cơ chế để người dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước và việc thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

²²Trong giai đoạn 2016-2021, tổng số doanh nghiệp thành lập mới là 6.077 doanh nghiệp, tăng 90,98% so với giai đoạn 2011-2015 (thành lập mới 3.182 doanh nghiệp). Lũy kế đến cuối năm 2021, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới toàn tỉnh là 9447 doanh nghiệp, tổng vốn điều lệ đăng ký đạt 217.230 tỷ đồng; vốn đăng ký bình quân 22,99 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Bốn là, phân công nhiệm vụ gắn với ràng buộc trách nhiệm đối với các đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu các ngành, các cấp về công tác CCHC. Chú trọng công tác hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết quá trình triển khai, thực hiện. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, đơn vị làm tốt; chấn chỉnh, phê bình, xử lý nghiêm những cá nhân, đơn vị thực hiện chưa tốt.

Năm là, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, tinh thần phục vụ Nhân dân, đáp ứng yêu cầu CCHC và xu thế phát triển của tỉnh.

Sáu là, cần đầu tư trang bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác CCHC, nhằm từng bước hiện đại hoá công sở, nâng cao chất lượng dịch vụ công để phục vụ tốt hơn cho các tổ chức, cá nhân trong giao dịch. Có cơ chế, chính sách phù hợp khích lệ, động viên cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP GIAI ĐOẠN 2022-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc, tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đột phá đẩy mạnh CCHC theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 12-NQ/TU. Đầu tư cho CCHC là đầu tư cho sự phát triển của tỉnh, đảm bảo tập trung, không dàn trải, thực chất, tránh hình thức; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp, hiệu lực, hiệu quả điều hành của các cơ quan, chính quyền các cấp làm thước đo; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện CCHC.

- Cải cách hành chính phải đảm bảo công khai, minh bạch, thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hướng tới phát triển bền vững, thích ứng với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Cải cách hành chính phải kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được thời gian qua; tiếp thu những kinh nghiệm CCHC của các tỉnh, thành phố trong cả nước để vận dụng hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân, góp phần xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, văn hóa phát triển, xã hội tiên bộ, quốc phòng - an ninh đảm bảo, trở thành một trong những cực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ; cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân; đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2030 trở thành tỉnh khá của cả nước.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

2.1. Chỉ tiêu đến năm 2025

- Về các chỉ số liên quan:

+ Chỉ số CCHC (**PAR INDEX**), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (**SIPAS**), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (**PAPI**): phấn đấu nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

+ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (**PCI**), Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (**DTI**): phấn đấu nằm trong nhóm 20 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước.

- Phần đầu 100% nội dung tại các Văn bản QPPL của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng; 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế phù hợp với quy định của văn bản cấp trên ban hành.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; trên 50% hồ sơ thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tiếp nhận và thụ lý trực tuyến.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 90%.

- Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- 100% Quyết định công bố danh mục và Quy trình nội bộ TTHC được xây dựng, soát xét, kiểm tra, thẩm định, công bố, công khai kịp thời theo đúng quy định pháp luật hiện hành. 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai về danh mục và quy trình nội bộ.

- Giảm tối thiểu 05% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

- Thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Phần đầu cán bộ, công chức dưới 40 tuổi (gồm: lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện) giao tiếp được với người nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc ngoại ngữ thông dụng khác.

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

- Giảm bình quân 10% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016-2020.

- 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Phần đầu đạt các chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

- 100% cơ quan, đơn vị đã xây dựng áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng thực hiện duy trì và cải tiến hệ thống đảm bảo thực chất, hiệu quả đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015; 100% các bệnh viện, 50% đơn vị sự nghiệp cấp huyện, 50% các trường học công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng và công bố phù hợp tiêu chuẩn; 50% UBND cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng và điện tử hóa các quy trình; các hoạt động nội bộ, hoạt động điều hành của cơ quan, đơn vị được rà soát và chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, hướng tới điện tử hóa 50% quy trình đã xây dựng. Thí điểm việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) tại 1-2 cơ quan chính quyền địa phương. Thí điểm áp dụng ISO điện tử tại 05 cơ quan HCNN cấp tỉnh, huyện.

2.2. Chỉ tiêu định hướng đến năm 2030:

- Phân đầu cải thiện thứ hạng các chỉ số qua từng năm.
- Hàng năm, 100% nội dung tại các Văn bản QPPL của Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng; 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế phù hợp với quy định của văn bản cấp trên ban hành.
- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; trên 80% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và thụ lý trực tuyến.
- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 95%.
- Phân đầu trên 90% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.
- 100% Quyết định công bố danh mục và Quy trình nội bộ TTHC được xây dựng, soát xét, kiểm tra, thẩm định, công bố, công khai kịp thời theo đúng quy định pháp luật hiện hành. 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai về danh mục và quy trình nội bộ.
- Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.
- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố; hoàn thành giải quyết số cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp ở giai đoạn 2022-2025.
- Phân đầu trên 40% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, UBND cấp huyện; trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, UBND cấp huyện đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.
- Giảm bình quân 15% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021-2025.

- Phần đầu đạt các chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Phần đầu đạt bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu Chính phủ giao về người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

- 100% đơn vị sự nghiệp cấp huyện, 100% các trường học công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng, áp dụng và công bố phù hợp tiêu chuẩn; 100% UBND cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng và điện tử hóa các quy trình; các hoạt động nội bộ, hoạt động điều hành của cơ quan, đơn vị được rà soát và chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, hướng tới điện tử hóa 100% quy trình đã xây dựng. Áp dụng TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) tại 100% UBND cấp huyện. Áp dụng ISO điện tử đối với 100% cơ quan HCNN cấp tỉnh, huyện.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm.

Triển khai cụ thể, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo Nghị quyết số 12-NQ/TU gắn với triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Chương trình tổng thể CCHC của tỉnh giai đoạn 2021-2030 trong đó tập trung 04 nhiệm vụ trọng tâm CCHC trong thời gian tới gồm:

- (1) *Cải cách thể chế;*
- (2) *Cải cách thủ tục hành chính;*
- (3) *Cải cách chế độ công vụ;*
- (4) *Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.*

Lựa chọn lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính và Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số làm 02 khâu đột phá. Từ nay đến năm 2030, tập trung các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong CCHC.

- Đề nghị cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, trước hết là thường trực cấp ủy, đồng chí bí thư cấp ủy quan tâm, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong thực hiện CCHC ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Trên cơ sở Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án của UBND tỉnh, chính quyền các cấp tham mưu cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng và ban hành kế hoạch, chương trình hành động cụ thể, trọng tâm, thiết thực, khả thi để tổ chức thực hiện có hiệu quả; đồng thời, xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục, lâu dài của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Nghiên cứu,

tham mưu cấp ủy các cấp đưa CCHC là một trong những tiêu chí xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm của các cấp chính quyền, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Gắn nhiệm vụ CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp, chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định của Đảng, Nhà nước, nhất là quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, công chức, viên chức; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.2. Đổi mới công tác điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC.

- Các cấp chính quyền tăng cường đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC quyết liệt, hiệu quả; xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp.

- UBND các cấp kịp thời ban hành, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc UBND các cấp, quy chế hoạt động các cơ quan, đơn vị đảm bảo quy định; thực hiện phân công lãnh đạo UBND theo dõi, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về lĩnh vực CCHC, trong đó đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo, triển khai thực hiện CCHC.

- UBND các cấp tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Kết luận số 29-KL/TU ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; các Quyết định của UBND tỉnh: số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 về ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh; số 54/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước và Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện nhiệm vụ CCHC; số 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 về việc ban hành Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện CCHC; kịp thời phát hiện, nhân rộng các sáng kiến, giải pháp mới, hiệu quả trong công tác CCHC. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn các nội dung về CCHC cho đội ngũ công chức, viên chức trực tiếp tham mưu công tác CCHC. Hằng năm, lấy kết quả thực hiện CCHC là một trong những cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và tiêu chí để bình xét thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân.

1.3. Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về cải cách thể chế, xây dựng, ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh đúng quy định, đồng bộ, thống nhất.

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Xây dựng, cụ thể hóa, thể chế hóa đồng bộ, thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh, trọng tâm là hoàn thiện thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng và minh bạch hóa toàn bộ quy định, cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho các thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Nâng cao nhận thức, đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; phát huy tốt hơn nữa vai trò của cấp ủy các cấp trong chỉ đạo thực hiện công tác này. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL của trung ương ban hành để xác định nội dung giao Hội đồng nhân dân, UBND các cấp quy định chi tiết nhằm kịp thời tham mưu ban hành các văn bản quy định trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản QPPL; xử lý kịp thời, triệt để, việc ban hành văn bản trái thẩm quyền; văn bản cá biệt chứa QPPL.

- Triển khai các giải pháp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Văn bản số 301/TTg-PL ngày 06/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về công tác xây dựng thể chế và pháp luật. Hoàn thiện thể chế về phân cấp, ủy quyền theo quy định, nhất là lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, đầu tư, tổ chức bộ máy...

1.4. Tập trung các giải pháp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC), tiếp tục xem đây là khâu đột phá, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, minh bạch.

Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Triển khai thực hiện cải cách TTHC quyết liệt, thực chất, hiệu quả; trong đó tập trung rà soát, kiến nghị, đề xuất Trung ương cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh và các quy định TTHC còn rườm rà, phức tạp, không cần thiết, trọng tâm là các TTHC đang gây trở ngại, kìm hãm hoạt động sản xuất, kinh doanh và các TTHC khác liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp. Đầu tư cơ sở vật chất, đề ra cơ chế, chính sách tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến; tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ bưu chính công ích.

- Xây dựng, ban hành danh mục, quy trình nội bộ thủ tục hành chính bắt buộc phải thực hiện liên thông đảm bảo công khai, minh bạch, rõ thời gian, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Việc giải quyết công việc giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhau hoặc trong từng nội bộ cơ quan hành chính các cấp (không liên quan đến thủ tục hành chính) phải xây dựng quy trình liên

thông phù hợp theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản hóa, nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số để chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ; cung cấp các tiện ích thông minh hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong giải quyết hồ sơ TTHC; hướng tới người dân chỉ cung cấp thông tin, giấy tờ một lần và nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính. Gắn kết việc số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC với quá trình tiếp nhận, xử lý TTHC tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, tạo cơ sở hình thành dữ liệu sống, sạch, đủ và chính xác.

- Không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà cho Nhân dân; giảm tối đa tỷ lệ trễ hẹn trong giải quyết TTHC; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC.

- Thường xuyên theo dõi, chấn chỉnh tác phong, lề lối và thái độ làm việc của cán bộ, công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp; xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Củng cố, đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ Công thông tin dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã phù hợp với lộ trình, yêu cầu xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò các thành viên Tổ công tác theo theo Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh trong việc kiểm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

1.5. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp kỷ cương, liêm chính, phục vụ, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Đổi mới phương thức làm việc tại các cơ quan hành chính thuộc tỉnh trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tăng cường xử lý, tạo lập hồ sơ điện tử; thực hiện hiệu quả mô hình cơ quan nhà nước, phòng họp “không giấy tờ”.

- Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quan tâm đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của bộ máy chính quyền các cấp.

+ Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công chức dôi dư; tháo gỡ các vướng mắc, bất cập, tồn đọng sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021;

+ Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, triển khai thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố giai đoạn 2022-2025 theo lộ trình, đảm bảo quy định.

- Triển khai các nhiệm vụ tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ và các văn bản của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; tiếp tục thực hiện Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện lộ trình giảm đầu mỗi đơn vị và số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo theo các nghị quyết, kết luận của Trung ương và của tỉnh, gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền, ủy quyền tối đa theo quy định của pháp luật giữa cấp tỉnh với cấp huyện, nhất là trong lĩnh vực quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch, đầu tư, đất đai, ngân sách, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức; giữa cấp huyện và cấp xã, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn, đề cao trách nhiệm và tăng cường cơ chế kiểm tra, kiểm soát quyền lực.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước; Thông báo Kết luận số 311/TB-VPCP ngày 16/11/2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh tại Hội nghị của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

1.6. Cải cách chế độ công vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp quản lý nguồn nhân lực hành chính nhà nước theo vị trí việc làm, chú trọng năng lực thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ bảo đảm đúng người, đúng việc, lấy hiệu quả công việc và “phải có sản phẩm cụ thể” làm tiêu chí và thước đo để lựa chọn nhân sự.

- Thực hiện chế độ thi nâng ngạch, thăng hạng theo nguyên tắc cạnh tranh. Thí điểm thực hiện thi tuyển đối với một số chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp. Thực hiện tốt cơ chế thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát hiện và trọng dụng nhân tài, sinh viên đạt kết quả học tập xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng, nhất là trong các ngành, lĩnh vực còn thiếu.

- Đẩy mạnh việc luân chuyển, chuyên đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định, nhất là ở những lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt thực hiện việc điều động, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo quy định Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng và các Nghị quyết, quy định của Tỉnh ủy.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, thăng hạng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đi liền với các chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ và có cơ chế loại bỏ, bãi miễn những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với Nhân dân.

- Tạo động lực cải cách bên trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng nhiều biện pháp, như: đề cao trách nhiệm cá nhân trong thực thi công vụ; quan tâm đến nâng cao lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các chính sách thoả đáng; đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc; cơ chế, chính sách khuyến khích về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển cho những cá nhân có trách nhiệm, đổi mới, sáng tạo trong thực hiện CCHC.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 258/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; đề xuất HĐND tỉnh ban hành quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý luân chuyển công tác trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện CCHC, kiểm tra, thanh tra công vụ, chú trọng kiểm tra đột xuất; xử lý nghiêm cán bộ, công chức vi phạm kỷ luật và trách nhiệm thực thi công vụ, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

1.7. Đẩy mạnh cải cách tài chính công, huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định để đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính công từ cấp tỉnh tới cấp xã theo quy định.

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập cơ bản thiết yếu. Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức độ tự chủ về tài chính, tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện tốt phân cấp quản lý ngân sách, đề cao và phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát thu, chi ngân sách. Thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, sử dụng ngân sách và mua sắm tài sản công.

1.8. Tạo bước đột phá về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

a) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh; trong đó ưu tiên nguồn lực, tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và các cơ sở dữ liệu, các nền tảng số nhằm đổi mới mạnh mẽ

phương thức chỉ đạo điều hành, quản lý từ thủ công, truyền thống sang điện tử và dựa trên dữ liệu số, nâng cao chất lượng hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức trên môi trường số. Bảo đảm an toàn thông tin mạng trong quá trình xây dựng, phát triển chính quyền số và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số và xây dựng thành phố, thị xã thông minh.

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 353/KH-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Nâng cao hiệu quả áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo thực chất, hiệu quả. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng. Tổ chức triển khai thí điểm việc áp dụng TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) trong các cơ quan chính quyền địa phương;

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 310/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh về xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính sự nghiệp giai đoạn 2022-2030.

c) Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 109/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

d) Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hà Tĩnh:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn nghiên cứu, áp dụng chính sách phí dịch vụ thanh toán hợp lý và triển khai các chương trình ưu đãi, khuyến mại để khuyến khích các đơn vị cung ứng dịch vụ công và khách hàng ưu tiên lựa chọn sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện thanh toán dịch vụ công; phổ biến, hướng dẫn đầy đủ, kịp thời cho khách hàng biết về quy trình thủ tục, thao tác thực hiện và các biện pháp đảm bảo an toàn khi thực hiện giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt; tiếp tục thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí, tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trên địa bàn xây dựng các chương trình truyền thông về đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ công.

1.9. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), các chỉ số liên quan đến CCHC, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp.

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện:

- Đổi mới tư duy quản lý của các cơ quan, đơn vị, luôn xác định doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân là đối tượng được phục vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức “kỷ cương - trách nhiệm - tận tình - thân thiện”.

- Thực hiện hiệu quả Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) nhằm nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của các sở, ban, ngành và chính quyền cấp huyện; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động đối thoại với doanh nghiệp ở các cấp, các ngành; xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa chính quyền - doanh nghiệp - người dân; đảm bảo môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, cạnh tranh lành mạnh; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

b) Chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm để khắc phục các tồn tại, hạn chế, duy trì, cải thiện điểm số và thứ hạng các chỉ số liên quan:

- *Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách, theo dõi, tham mưu liên quan Chỉ số CCHC chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI),*

- *Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách, theo dõi, tham mưu liên quan Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).*

- *Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách, theo dõi, tham mưu liên quan Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).*

1.10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và phản biện xã hội đối với công tác CCHC.

- Đề nghị cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về CCHC; nhân rộng cách làm hiệu quả, các mô hình mới, các sáng kiến hay trong CCHC; kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình thực hiện.

- Đề nghị HĐND các cấp tiếp tục đổi mới, tăng cường vai trò giám sát của Thường trực HĐND, các Ban, Đại biểu HĐND đối với bộ máy hành chính các cấp theo chức năng, nhiệm vụ.

- UBND các cấp, các cơ quan thanh tra theo thẩm quyền, căn cứ nhiệm vụ được giao, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, đánh giá nghiêm túc, trung thực kết quả thực hiện CCHC; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xác

định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong triển khai từng nhiệm vụ CCHC.

- Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu, đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá chỉ số CCHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; kịp thời tham mưu ban hành Bộ chỉ số CCHC các sở ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã giai đoạn 2022-2030 (sau khi Bộ Nội vụ ban hành Đề án “Xác định Chỉ số CCHC chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2022-2030); thực hiện đo lường, xác định Chỉ số hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ công đảm bảo khách quan, toàn diện, công bằng, kịp thời, phản ánh đầy đủ, đa chiều kết quả triển khai CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tiếp tục phát huy vai trò giám sát, phản biện trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp; tăng cường tuyên truyền, vận động, nắm bắt kịp thời những kiến nghị của đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân để phản ánh với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, góp phần thúc đẩy công tác CCHC, nâng cao chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Phát huy vai trò của Nhân dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí trong việc giám sát thực hiện công tác CCHC, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

2. Nhiệm vụ, giải pháp thường xuyên

2.1. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo điều hành trong CCHC với tinh thần quyết liệt, bài bản, mạnh dạn, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong CCHC; tích cực học tập, nhân rộng, áp dụng các sáng kiến, mô hình, cách làm hay trong CCHC để mang lại hiệu quả tác động lớn đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; nâng cao sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, trước hết phát huy vai trò Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, vai trò người đứng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm, năng lực của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh và các cơ quan được giao chủ trì triển khai các nội dung CCHC; có cơ chế phân công, phối hợp rõ ràng, cụ thể, rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai các nội dung CCHC.

2.2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các hình thức thông tin, tương tác với người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, chú trọng tuyên truyền những giải pháp, lợi ích mà chính quyền cung cấp cho người dân, doanh nghiệp; có hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt công tác CCHC.

2.3. Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính và nhân lực đầy đủ cho thực hiện nhiệm vụ CCHC; nâng cao năng lực nghiên cứu và tham mưu của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức,

viên chức trực tiếp tham mưu nhiệm vụ CCHC ở các sở, ngành, địa phương. Trong phạm vi cân đối ngân sách địa phương, ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

2.4. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC; có các giải pháp, bộ tiêu chí để khảo sát, đánh giá thực chất sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả CCHC hằng năm của các sở, ban, ngành; cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; UBND cấp huyện, cấp xã; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá. Ứng dụng công nghệ thông tin trong khảo sát, điều tra xã hội học để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

2.5. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính.

2.6. Thực hiện tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về CCHC nhằm phát hiện các tồn tại hạn chế từ đó có các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục, bổ cứu kịp thời cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Khung nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, đơn đốc và thời gian hoàn thành nhiệm vụ được giao tại **Phụ lục 04** kèm theo Đề án này, các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa, chủ động triển khai thực hiện.

4. Kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện Đề án này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Hằng năm, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan có liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao trong Đề án và Kế hoạch CCHC của tỉnh, của địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định. Đối với các nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt kinh phí, thực hiện theo Quyết định đã được phê duyệt.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án này gắn với xây dựng Kế hoạch CCHC hằng năm của từng cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thực chất, hiệu quả, đúng tiến độ đề ra; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện CCHC; chỉ đạo quyết liệt các giải pháp mới, tạo bước đột phá về CCHC trong từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động tham mưu tổ chức đảng và cấp ủy cùng cấp xây dựng kế hoạch, chương trình hành động tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án này. Văn bản chỉ đạo triển khai của sở, ban ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; UBND cấp huyện; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan gửi về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp theo quy định. Định kỳ hằng năm xây dựng kế hoạch CCHC năm, lồng ghép việc triển khai thực hiện kế hoạch năm với thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án này.

- Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc báo cáo đột xuất gắn với báo cáo CCHC; thực hiện việc sơ kết, tổng kết thực hiện việc thực hiện Đề án này gắn với sơ kết tổng kết CCHC theo quy định.

- Hàng năm, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, lập dự toán kinh phí thực hiện gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tham mưu các Đề án liên quan có trách nhiệm xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Sở Nội vụ

- Phát huy vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, có nhiệm vụ giúp UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án này gắn với Chương trình, Kế hoạch CCHC tổng thể, hằng năm của tỉnh đảm bảo chất lượng, thực chất, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ đề ra.

- Tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các giải pháp cụ thể để tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC; triển khai thực hiện các nội dung về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU gắn với kế hoạch kiểm tra, thẩm định CCHC và báo cáo UBND tỉnh hằng quý, 6 tháng và hằng năm hoặc đột xuất theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai xác định Chỉ số CCHC hằng năm của các sở, ban ngành, địa phương; tham mưu xây dựng bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC, các giải pháp để khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để xác định chỉ số CCHC hằng năm cho các đơn vị, địa phương.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện công tác CCHC theo quy định.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện sơ kết, tổng kết việc thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh gắn với sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án này.

3. Sở Tư pháp

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách thể chế.

- Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về hộ tịch, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia, bộ, ngành liên quan.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu số; theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; kết quả giải quyết thủ tục hành chính, sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp về kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

5. Sở Tài chính

- Trên cơ sở lĩnh vực quản lý, tham mưu UBND tỉnh phương án bố trí kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Đề án.

- Chủ trì tham mưu, đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về cải cách tài chính công; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

- Tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án này gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC hằng năm trong dự toán chi thường xuyên ngân sách hằng năm của các sở, ngành, địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

- Xây dựng kế hoạch, nội dung thông tin, tuyên truyền về CCHC trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu, nỗ lực của các ngành, các cấp và Nhân dân để thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng các quy trình điện tử, áp dụng công nghệ kỹ thuật số. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

- Chủ trì việc thẩm định quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo theo quy định, thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy trình trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Tham mưu đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, tìm kiếm và phát huy sáng kiến, giải pháp hữu ích trong CCHC.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

9. Sở Y tế

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế.

- Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

- Tham mưu triển khai thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì tham mưu cập nhật có hiệu quả cơ sở dữ liệu về đất đai, đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu Quốc gia, bộ, ngành liên quan.

- Tiếp tục rà soát Bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo hướng đơn giản hóa; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục

đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, đăng ký quyền sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.

12. Công an tỉnh

Chủ trì xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cấp và quản lý căn cước công dân, thực hiện tích hợp kết nối chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm thông suốt, hoạt động có hiệu quả trong đó tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

13. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp Báo Hà Tĩnh và các cơ quan, đơn vị liên quan

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang và tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú về công tác CCHC, Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án này.

14. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh theo chức năng nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án này gắn với kế hoạch CCHC hằng năm đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

15. Đề nghị các ban Đảng, Ủy ban Kiểm tra, Văn phòng Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU gắn với triển khai thực hiện Đề án này; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp; vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

PHỤ LỤC 01
THỐNG KÊ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO TRỌNG TÂM CỦA ĐẢNG VỀ
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Đề án số ngày / /2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành
I	TRUNG ƯƠNG				
1	Nghị quyết	39-NQ/TW	17/4/2015	Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Chính trị
2	Nghị quyết	18-NQ/TW	25/10/2017	Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	BCHTW Đảng khóa XII
3	Nghị quyết	19-NQ/TW	25/10/2017	Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	BCHTW Đảng khóa XII
4	Nghị quyết	26-NQ/TW	19/5/2018	Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ	BCHTW Đảng khóa XII
5	Kết luận	40-KL/TW	18/7/2022	Về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026	Bộ Chính trị
6	Quyết định	72-QĐ/TW	18/7/2022	Về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026	Bộ Chính trị
II	CẤP TỈNH				
1	Chương trình hành động	920-Ctr/TU	31/01/2018	Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6, BCH TW Đảng khóa XII về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả	Tỉnh ủy

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày tháng năm ban hành	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành
2	Chương trình hành động	1011-CTr/TU	03/5/2018	Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6, BCH TW Đảng khóa XII về Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập	Tỉnh ủy
3	Nghị quyết	01-NQ/ĐH	16/10/2020	Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh	Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX
4	Chương trình hành động	01-CTr/TU	08/12/2020	Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025	Tỉnh ủy
5	Nghị quyết	12-NQ/TU	26/05/2022	Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh ủy
6	Nghị quyết	03-NQ/TU	15/7/2021	Về xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đến năm 2030 và những năm tiếp theo	Tỉnh ủy
7	Kết luận	29-KL/TU	22/7/2021	Về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Tỉnh ủy
8	Nghị quyết	05-NQ/TU	22/10/2021	Về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh ủy
9	Chỉ thị	17-CT/TU	28/12/2021	Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp	Tỉnh ủy
10	Nghị quyết	12-NQ/TU	26/05/2022	Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh ủy

PHỤ LỤC 02
THỐNG KÊ VĂN BẢN CHỈ ĐẠO TRỌNG TÂM CỦA NHÀ
NƯỚC VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Đề án ngày số / /2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Trích yếu văn bản	Cơ quan ban hành văn bản
I	TRUNG ƯƠNG				
1	Nghị định	59/2012/NĐ-CP	23/07/2012	Quy định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Chính phủ
2	Nghị định	63/2010/NĐ-CP	08/6/2010	Quy định về kiểm soát thủ tục hành chính	Chính phủ
3	Nghị định	92/2017/NĐ-CP	07/8/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính	Chính phủ
4	Nghị định	61/2018/NĐ-CP	23/4/2018	Quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	Chính phủ
5	Nghị định	45/2020/NĐ-CP	08/4/2020	Quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	Chính phủ
6	Nghị định	24/2014/NĐ-CP	04/4/2014	Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Chính phủ
7	Nghị định	37/2014/NĐ-CP	05/5/2014	Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Chính phủ
8	Nghị định	108/2020/NĐ-CP	14/9/2020	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP	Chính phủ
9	Nghị định	120/2020/NĐ-CP	07/10/2020	Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Chính phủ
10	Nghị định	62/2020/NĐ-CP	01/06/2020	Quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức.	Chính phủ
11	Nghị định	106/2020/NĐ-CP	10/9/2020	Quy định về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập	Chính phủ
12	Nghị định	157/2007/NĐ-CP	27/10/2007	Quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ	Chính phủ
13	Nghị định	138/2020/NĐ-CP	27/11/2020	Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức	Chính phủ

14	Nghị định	115/2020/NĐ-CP	25/09/2020	Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức	Chính phủ
15	Nghị định	101/2017/NĐ-CP	01/9/2017	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Chính phủ
16	Nghị định	34/2019/NĐ-CP	24/4/2019	Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố	Chính phủ
17	Nghị định	63/2016/NĐ-CP	21/12/2016	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước	Chính phủ
18	Nghị định	60/2021/NĐ-CP	21/6/2021	Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập	Chính phủ
19	Nghị Quyết	76/NQ-CP	15/7/2021	Ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030	Chính phủ
20	Quyết định	468/QĐ-TTg	27/3/2021	Phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính	Thủ tướng Chính phủ
21	Quyết định	19/2014/QĐ-TTg	05/03/2014	Về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Thủ tướng Chính phủ
22	Chỉ thị	23/CT-TTg	02/09/2021	Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030	Thủ tướng Chính phủ
23	Chỉ thị	26/CT-TTg	05/09/2016	Về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước các cấp	Thủ tướng Chính phủ
24	Thông tư	04/2021/TT-BTP	21/06/2021	Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 59/2012/NĐ-CP	Bộ trưởng Bộ Tư pháp
25	Thông tư	01/2018/TT-VPCP	23/11/2018	Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC	Văn phòng Chính phủ
26	Chỉ thị	số 43/CT-TTg	11/12/2020	Về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật	Thủ tướng Chính phủ
II	CẤP TỈNH				

1	Quyết định	3504/QĐ-UBND	22/10/2021	Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030	UBND tỉnh
2	Quyết định	2125/QĐ-UBND	17/10/2022	Ban hành Quy chế và Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
3	Quyết định	10/2018/QĐ-UBND	06/04/2018	Quy chế phối hợp trong công tác xây dựng kiểm tra, tự kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, hệ thống công báo điện tử tỉnh	UBND tỉnh
4	Quyết định	53/2021/QĐ-UBND	07/12/2021	Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
5	Quyết định	19/2021/QĐ-UBND	16/4/2021	Quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
6	Quyết định	424/QĐ-UBND	18/02/2022	Phê duyệt Đề án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh
7	Quyết định	1769/QĐ-UBND	13/4/2021	Về việc quy định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	UBND tỉnh
8	Quyết định	52/2017/QĐ-UBND	22/11/2017	Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
9	Quyết định	20/2019/QĐ-UBND	19/04/2019	Quy chế văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
10	Quyết định	54/2019/QĐ-UBND	27/9/2019	Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện cải cách hành chính	UBND tỉnh
11	Quyết định	365/QĐ-UBND	28/01/2019	Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ xây dựng Chính quyền điện tử của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
12	Nghị quyết	46/2021/NQ-HĐND	16/12/2021	Quy định một số chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025	HĐND tỉnh
13	Quyết định	55/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	Ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp Nhà nước, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn Nhà nước thuộc UBND	UBND tỉnh

				tỉnh	
14	Quyết định	32/2016/QĐ-UBND	07/05/2016	Quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
15	Quyết định	01/2021/QĐ-UBND	19/01/2021	Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
17	Quyết định	2853/QĐ-UBND	08/11/2021	Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả phát triển chính quyền số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
18	Quyết định	3109/QĐ-UBND	09/08/2021	Ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị hành chính và sự nghiệp tỉnh Hà Tĩnh phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương	UBND tỉnh
19	Quyết định	3282/QĐ-UBND	29/9/2021	Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Tĩnh, phiên bản 2.0	UBND tỉnh
20	Quyết định	1402/QĐ-UBND	12/07/2022	Về việc Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
21	Quyết định	1656/QĐ-UBND	15/8/2022	Về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
22	Chỉ thị	08/CT-UBND	17/05/2018	Về việc tăng cường hiệu quả khai thác, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
23	Chỉ thị	13/CT-UBND	13/8/2019	Về việc tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	UBND tỉnh
24	Kế hoạch	178/KH-UBND	04/6/2018	Về triển khai Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW	UBND tỉnh
25	Kế hoạch	223/KH-UBND	30/6/2021	Triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh

26	Kế hoạch	375/KH-UBND	13/10/2021	Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đến năm 2030 và những năm tiếp theo	UBND tỉnh
27	Kế hoạch	235/KH-UBND	06/05/2015	Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế	UBND tỉnh
28	Kế hoạch	393/KH-UBND	29/10/2020	Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh
29	Kế hoạch	41/KH-UBND	18/02/2021	Triển khai thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ Bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh - giai đoạn II	UBND tỉnh
30	Kế hoạch	66/KH-UBND	12/3/2021	Triển khai thí điểm Hệ thống giám sát và điều hành thông minh (IOC)	UBND tỉnh
31	Kế hoạch	388/KH-UBND	20/10/2021	Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025	UBND tỉnh
32	Kế hoạch	396/KH-UBND	22/10/2021	Thực hiện Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”	UBND tỉnh

PHỤ LỤC 03

Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 trên một số lĩnh vực chủ yếu

(Kèm theo Đề án số: ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 2016 đến nay, toàn ngành đạt 1,33%. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng từ 48,8% lên trên 53%; tỷ trọng nhóm các sản phẩm chủ lực tăng từ 30,4% lên trên 46%; giảm tỷ trọng trồng trọt từ 49% xuống còn 43%. Năm 2020, có thêm 87 sản phẩm đạt chuẩn OCOP, nâng số sản phẩm đạt chuẩn đến nay lên 159 sản phẩm, trong đó có 07 sản phẩm 04 sao, 152 sản phẩm 03 sao. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích tăng từ 70 triệu đồng/ha lên trên 90 triệu đồng/ha.

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tiếp tục được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Đề án “*Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; toàn tỉnh có tổng số xã đạt chuẩn lên 171 xã, chiếm 94% (cả nước là 62; 03 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (Thạch Hà, Đức Thọ, Vũ Quang); số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là 06/13 đơn vị; 04 huyện có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Hương Sơn.

2. Về lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và đầu tư phát triển

Công nghiệp tăng trưởng nhanh, tiếp tục là động lực chủ yếu của nền kinh tế, bình quân đạt 31,1%. Tỷ trọng công nghiệp tăng nhanh, từ 12,4% lên 37,6%. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (giai đoạn 1) đi vào hoạt động, trở thành hạt nhân tăng trưởng của nền kinh tế. Một số dự án công nghiệp quan trọng được khởi công, hoàn thành và bước đầu phát huy hiệu quả. Các sản phẩm công nghiệp chủ lực mới như thép, điện đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ đô thị hóa hiện nay đạt 29,8% (năm 2004 đạt gần 13%), so với cả nước tỷ lệ đô thị hóa đạt 40,4% (năm 2004 đạt gần 26,4%); đến nay, tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt khoảng 60% trên diện tích quy hoạch chung; tỷ lệ thoát nước là 24,95%. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch tại đô thị là 82,8%.

Dịch vụ, thương mại, du lịch từng bước khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Tăng trưởng bình quân gần 04%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân gần 06%/năm; kết cấu hạ tầng dịch vụ, thương mại phát triển theo hướng văn minh, hiện đại; thị trường hàng hóa ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của người dân; công tác xã hội hóa đầu tư, chuyển đổi mô hình quản lý chợ, bảo vệ người tiêu dùng tiếp tục được quan tâm. Kết nối các tour (cuộc du

lich, chuyên du lịch), tuyến du lịch được chú trọng. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 9,7 lần so với năm 2015.

Các thành phần kinh tế phát triển đúng định hướng, góp phần huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội. Hoàn thành cổ phần hóa và từng bước thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước theo lộ trình đã được Chính phủ phê duyệt. Các doanh nghiệp sau sắp xếp, đổi mới cơ bản hoạt động thích ứng với cơ chế thị trường. Khu vực kinh tế tư nhân phát triển khá, đóng góp quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm và tăng thu ngân sách. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng cao, đóng góp trên 30% GRDP; kinh tế tập thể từng bước hoạt động thực chất, hiệu quả.

Tổng nguồn vốn huy động đạt trên 164 nghìn tỷ đồng. Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội chuyển dịch tích cực, tỷ trọng đầu tư từ khu vực tư nhân tăng khá, tỷ trọng vốn FDI chiếm 15%; thu hút đầu tư trong nước đạt kết quả tích cực. Xã hội hóa đầu tư đạt kết quả nổi bật, nhất là nguồn đầu tư hạ tầng đô thị, thương mại, Giáo dục - Đào tạo, kêu gọi được một số tập đoàn lớn như Vingroup, Nguyễn Hoàng, T&T... đầu tư, nghiên cứu đầu tư các dự án lớn trên địa bàn.

3. Về thu, chi ngân sách

Hoạt động tài chính, tín dụng cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống Nhân dân. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đạt 55.026 triệu đồng (thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng nhanh, năm 2020 đạt 12.917 triệu đồng, tăng 1,71 lần so với năm 2016 (7.562 triệu đồng), tốc độ tăng bình quân trên 10%), gấp 1,56 lần tổng thu cả giai đoạn 2011-2015. Tăng tỷ trọng thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cơ cấu thu nội địa. Chi ngân sách địa phương cơ bản đáp ứng các nhiệm vụ. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng trưởng tốt. Huy động vốn tăng trưởng bình quân đạt 18%/năm, dư nợ tín dụng tăng bình quân 17,6%/năm. Triển khai kịp thời và có hiệu quả các chính sách hỗ trợ tín dụng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

4. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường

Cơ bản hoàn thành công tác đo đạc, lập bản đồ, xây dựng hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Các tồn đọng trong lĩnh vực đất đai được tập trung xử lý. Tăng cường quản lý và khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp. Công tác quản lý quy hoạch, khai thác khoáng sản được tập trung chỉ đạo. Việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định, chủ yếu thông qua hình thức đấu giá. Triển khai thực hiện Đề án xử lý chất thải rắn đạt kết quả bước đầu; xử lý cơ bản các điểm gây ô nhiễm môi trường. Tích cực xử lý, giải quyết hậu quả ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; phối hợp chỉ đạo hoàn thành việc khắc phục các vi phạm về môi trường và giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh. Tích cực, chủ động đề ra các phương án phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn chế thấp nhất thiệt hại; ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng thủy lợi, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, ngập lụt, xâm nhập mặn.

5. Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch

Tổ chức tốt các sự kiện chính trị, văn hóa gắn với tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng vùng đất, con người Hà Tĩnh. Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được chú trọng, nhất là các di sản được Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) vinh danh. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh lan tỏa sâu rộng. Công tác xã hội hóa xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào thể thao quần chúng phát triển mạnh. Thể thao thành tích cao có nhiều khởi sắc.

6. Giáo dục - Đào tạo

Tiếp tục thực hiện lộ trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, quy hoạch lại hệ thống trường lớp, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao chất lượng giáo dục. Cơ sở vật chất trường học được củng cố theo hướng chuẩn hóa. Công tác xã hội hóa, mở rộng các loại hình đào tạo đạt kết quả khá. Chất lượng giáo dục toàn diện cơ bản được giữ vững; đạt chuẩn phổ cập giáo dục các cấp học; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hàng năm đạt trên 97%, tỷ lệ học sinh vào đại học, cao đẳng trên 43% số học sinh tốt nghiệp; tỷ lệ học sinh giỏi quốc gia nhiều năm liền thuộc top đầu cả nước.

7. Y tế

Đổi mới, sắp xếp lại tổ chức bộ máy y tế tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động và thực hiện phân cấp quản lý y tế cơ sở theo Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Y tế dự phòng được chú trọng, kịp thời ngăn chặn các dịch bệnh. Triển khai công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh Covid-19 với cách làm chủ động, sâu sát, không để lây nhiễm trong cộng đồng. Năng lực chuyên môn, y đức của đội ngũ thầy thuốc có nhiều chuyển biến tích cực; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, đã tiếp cận được nhiều dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu, dịch vụ kỹ thuật tuyến Trung ương. Cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh; người dân bước đầu được theo dõi, quản lý sức khỏe qua hệ thống hồ sơ điện tử. 90% trạm y tế có bác sĩ; 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; đạt 30 giường bệnh/vạn dân, 11 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 91%; tỷ lệ trẻ dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm còn 14%.

8. Lao động - việc làm, an sinh xã hội

Cơ cấu lao động tham gia hoạt động kinh tế trên địa bàn chuyển dịch theo hướng giảm lao động khu vực nông nghiệp, tăng lao động khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Bình quân hàng năm tạo việc làm cho trên 23.500 lao động, trong đó hơn 8.500 lao động đi làm việc ở nước ngoài. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Chính sách đối với người có công được triển khai kịp thời. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều từ 11,4% giảm còn dưới 03%. Huy động tốt các nguồn lực để xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn.

9. Khoa học - công nghệ, thông tin và truyền thông

Chú trọng xây dựng, ban hành các chính sách phát triển khoa học và công nghệ. Hoàn thiện tổ chức, đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động các đơn vị sự nghiệp; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Hình thành một số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, góp phần khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Tỷ lệ đổi mới khoa học và công nghệ trung bình đạt 13,6%/năm.

Hoạt động thông tin và truyền thông bám sát nhiệm vụ chính trị, từng bước đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở tiếp tục có chuyển biến rõ nét, đi vào nề nếp; các loại hình báo in, báo hình, báo điện tử, trang thông tin điện tử, bản tin, hệ thống truyền thanh cơ sở... phát triển vượt bậc so với đầu nhiệm kỳ. Lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử đạt nhiều thành tựu, nhất là trong công tác hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng chính quyền điện tử các cấp; vị trí xếp hạng chung về mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin nằm trong tốp đầu của cả nước; hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp ngày được nâng cao.

10. Về đảm bảo an ninh - quốc phòng, đối ngoại

Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội đảm bảo trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là sau sự cố môi trường biển, các tổ chức, phần tử phản động, đối tượng cực đoan gia tăng hoạt động chống phá. Các cấp, các ngành đã chỉ đạo nhất quán, triển khai đồng bộ các giải pháp, bình tĩnh xử lý có hiệu quả các tình huống phức tạp về an ninh, trật tự.

Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, cấp huyện vững mạnh toàn diện, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và thể trận lòng dân vững chắc. Công tác phối hợp giữa các lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng với các cấp, các ngành được tăng cường. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn kết chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng - an ninh, nhất là nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ khu vực phòng thủ ven biển, biên giới đất liền và các địa bàn trọng điểm; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các cấp đạt kết quả tốt.

Tích cực, chủ động triển khai các hoạt động đối ngoại, đặc biệt chú trọng xây dựng, củng cố quan hệ hữu nghị truyền thống với các tỉnh của nước bạn Lào; tiếp tục mở rộng hợp tác với các tỉnh vùng Đông Bắc Thái Lan; triển khai ký kết hợp tác với một số tỉnh, thành phố của các nước Đức, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản; củng cố và tăng cường hợp tác với đại sứ quán các nước tại Việt Nam và các tổ chức quốc tế, thiết lập các đối tác chiến lược. Mở rộng và thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước, các địa phương của các nước, các tổ chức, tập đoàn kinh tế, tài chính lớn trong khu vực và thế giới. Tích cực vận động nguồn vốn ODA đầu tư kết cấu hạ tầng; tranh thủ nguồn vốn NGO cho các lĩnh vực y tế, giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, đổi mới phương thức tuyên truyền, thông tin đối ngoại nhằm quảng bá hình ảnh Hà Tĩnh đến với bạn bè trong nước, quốc tế và kiều bào ở nước ngoài.

PHỤ LỤC 04
KHUNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Đề án số: ngày / /2022 của UBND tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
I	Công tác chỉ đạo điều hành				
1	Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh Cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Quý IV/2022	
2	Đổi mới công tác đánh giá, thẩm định, xác định chỉ số cải cách hành chính tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Hàng năm	
3	Giải pháp duy trì, cải thiện và nâng cao các chỉ số PAR Index, SIPAS, PAPI	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Hàng năm	
4	Ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị liên quan	Quý IV/2022	
5	Kiểm tra, đánh giá, thẩm định CCHC	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	
6	Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ về CCHC	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Hàng năm	
II	Cải cách thể chế				

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
1	Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý IV/2023	
III	Cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công				
1	Triển khai Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính” trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thực hiện theo lộ trình Đề án của Trung ương	
2	Triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính đối với các TTHC về hộ tịch, cư trú, quản lý xuất nhập cảnh, bảo hiểm xã hội, thuế	Sở Tư pháp; Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	Thực hiện theo lộ trình Đề án của Trung ương	
3	Triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công”	Sở Y tế	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Thực hiện theo lộ trình Đề án của Trung ương	
4	Triển khai Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện	Thực hiện theo lộ trình Đề án của Trung ương	
5	Triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; triển khai công tác đo lường sự hài lòng	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thực hiện theo Quyết định Trung ương	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
	của tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính.				
IV	Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo lộ trình	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện, cấp xã	Theo lộ trình Trung ương	
2	Thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	Hàng năm	
3	Xây dựng và triển khai Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh	Năm 2023	
4	Thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh	Hàng năm	
V	Cải cách chế độ công vụ				
1	Triển khai Kế hoạch số 291/KH-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh về bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã giai đoạn 2022-2025	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; Trường Chính trị Trần Phú; UBND cấp	Giai đoạn 2022-2025	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
			huyện		
2	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm	
3	Tổ chức tuyển dụng công chức (thu hút theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP, thi tuyển công chức)	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành; Trường Chính trị Trần Phú; UBND cấp huyện và các cơ quan đơn vị liên quan	Theo Kế hoạch hàng năm	
4	Đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 258/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quý IV/2022	
VI	Cải cách tài chính công				
1	Rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định để đổi mới cơ chế tự chủ về tài chính tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm	
2	Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức độ tự chủ về tài	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Hàng năm	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
	chính, tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập				
3	Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh giai đoạn 2021-2025, đề xuất phương án xây dựng chính sách giai đoạn tiếp theo để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý IV/2025	
VII	Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số				
1	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống cơ sở dữ liệu; số hoá và chứng thực điện tử hồ sơ, văn bản, tài liệu của các ngành, địa phương đảm bảo liên thông đồng bộ và chia sẻ dữ liệu dùng chung, kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia	Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan liên quan	Hàng năm	
2	Nâng cấp đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan liên quan	Hàng năm	
3	Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đồng bộ trong toàn tỉnh, kết nối liên thông mạng truyền số liệu quốc gia (thuê dịch vụ CNTT)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2025	
4	Phát triển hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính	Văn phòng UBND	Sở Thông tin và Truyền	Quý IV/2023	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
	phủ	tỉnh	thông; các cơ quan liên quan		
5	Đề án thí điểm các mô hình đô thị thông minh tại các trung tâm đô thị: thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh	UBND TP Hà Tĩnh, UBND TX Kỳ Anh	Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan liên quan	Quý IV/2025	
6	Triển khai nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP); triển khai giao thức Internet thế hệ mới Ipv6; phát triển mạng di động 4G, 5G và mạng cáp quang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2025	
7	Xây dựng Cổng dữ liệu số cấp tỉnh (<i>data.hatinh.gov.vn</i>); kết nối với cổng cơ sở dữ liệu quốc gia; phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2023	
8	Bổ sung cơ sở vật chất, nâng cấp toàn diện Cổng TTĐT tỉnh phục vụ chuyển đổi số và kết nối Cổng TTĐT các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; bổ sung nâng cấp Cổng thông tin đối ngoại	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Các cơ quan liên quan	Quý IV/2024	
9	Triển khai ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động nghiệp vụ của các sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	
10	Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và cộng đồng tiêu dùng tiếp cận, khai thác ứng	Sở Công Thương	Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh; Liên	Hàng năm	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
	dụng các nền tảng thương mại điện tử		hiệp các Hợp tác xã; các cơ quan liên quan		
11	Triển khai, phát triển hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng cấp tỉnh (SOC). Triển khai hệ thống phòng chống mã độc quản trị tập trung tại tỉnh, tích hợp với Trung ương	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Hàng năm	
12	Thuê trung tâm điện toán đám mây phục vụ quản lý tập trung toàn bộ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu toàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	2022-2025	
13	Đầu tư bổ sung trang thiết bị chuyên dùng nâng cao năng lực Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh và cơ quan thường trực Đội ứng cứu. Triển khai thực thi xác định an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan	Thường xuyên	
VIII	Triển khai và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO: 9001				
1	Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các Bệnh viện; Trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở, tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai các Bệnh viện và Trường Trung học phổ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế; các Bệnh viện, các Trường học	Quý IV/2022: hoàn thành 100% tại các bệnh viện; Quý IV/2025: hoàn thành xây dựng 50% tổng các trường THPT,	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
		thông		THCS, TH	
		UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ trì triển khai đối với các Trường THCS, Tiểu học	Sở Khoa học và Công nghệ; các Trường học		
2	Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện	UBND các huyện, thành phố, thị xã	Sở Khoa học và công nghệ; các đơn vị sự nghiệp	Quý IV/2025: hoàn thành 50% tổng số đơn vị	
3	Mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại UBND cấp xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng mở rộng xây dựng các quy trình nội bộ và điện tử hóa các quy trình đã xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành có liên quan; UBND cấp xã, UBND cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Quý IV/2025: điện tử hóa đạt 50% cơ quan	
4	Triển khai xây dựng 1 - 2 mô hình thí điểm áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 18091:2020 (ISO 18091:2019) Hệ thống quản lý chất lượng - Hướng dẫn áp dụng ISO 9001 tại các cơ quan chính quyền địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị được lựa chọn thí điểm	Quý IV/2025 Căn cứ theo chỉ đạo của Bộ KH&CN	
5	Rà soát xây dựng quy trình nội bộ dùng chung cho các cơ quan và quy trình riêng của từng cơ quan đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001 đối với các hoạt động	Các cơ quan HCNN cấp tỉnh, cơ quan	Sở KH&CN	- Quý IV/2022: hoàn thành rà soát, xây dựng quy	

STT	Tên nhiệm vụ trọng tâm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành (quý/năm)	Ghi chú
	nội bộ, hoạt động khác của cơ quan (không liên quan đến TTHC), hướng tới điện tử hóa các quy trình đã xây dựng	HCNN cấp II, UBND cấp huyện		trình; - Quý IV/2025: hoàn thành điện tử hóa 50% tổng số quy trình được xây dựng	
6	Soát xét, kiểm tra, thẩm định danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan và đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001 trước khi công bố	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, ban, ngành	Hàng năm	
7	Rà soát, xây dựng các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh công bố, công khai, kịp thời; phối hợp thực hiện điện tử hóa các quy trình	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở KH&CN; Văn phòng UBND tỉnh	Quý IV/2025: hoàn thành rà soát và xây dựng quy trình đạt 90%	
8	Thí điểm xây dựng và áp dụng hệ thống ISO điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước		Sở Thông tin và Truyền thông; các cơ quan HCNN cấp tỉnh, huyện	05 đơn vị, Quý IV/2025 hoàn thành	